

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-4-2024.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm

Bà Lại Thị Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 16-11-2022, về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-7-2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 19-3-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Trúc Q** sinh ngày 05-11-1988;

Địa chỉ: Tổ 8b (Nay là tổ 6), thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Ma Jin B** (dịch sang tiếng Việt: Mã Kim B) sinh ngày 03-05-1982; quốc tịch: Trung Quốc;

Địa chỉ: SN 502, khu 2, KGDV, thành phố GMT, Tương Dương, tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-10-2022, bản tự khai của nguyên đơn bà Trần Thị Trúc Q và các tài liệu có trong hồ sơ, thể hiện:

Bà Trần Thị Trúc Q kết hôn ông Ma Jin B trên cơ sở tự nguyện, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số J230000-2014-000361 ngày 04-8-2014 tại thành phố CNT, tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có những bất đồng quan điểm, lại không có con nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến ngày 15-11-2020, bà Q về Việt Nam sinh sống và sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Ma Jin B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Văn bản uỷ thác tư pháp về dân sự số 30/TTTPDS-TA63 ngày 21-12-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã uỷ thác cho Trung tâm Hợp tác pháp lý Quốc tế (ILCC), Bộ Tư pháp Trung Quốc để tổng đạt giấy tờ và lấy lời khai của ông Ma Jin Bao, trong đó có thông báo về thời gian dự kiến mở phiên họp, phiên tòa.

Tại các lần mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 17-7-2023 và 17-8-2023, ông Ma Jin B đều vắng mặt; Toà án cũng không nhận được bản tự khai hoặc biên bản lấy lời khai cùng tài liệu, chứng cứ của ông Ma Jin B. Do vậy, Tòa án xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-10-2023.

Tại các phiên tòa mở ngày 16-11-2023 và mở lại ngày 15-12-2023, ông Ma Jin B không có mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Ma Jin B. Do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa và có Văn bản số 19/TTTPDS-63 ngày 15-12-2023 gửi Bộ Tư pháp đề nghị thông báo kết quả của uỷ thác tư pháp, nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã uỷ thác tư pháp việc tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ đối với đương sự ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nhưng không có kết quả.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Bà Trần Thị Trúc Q được ly hôn ông Ma Jin B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã uỷ thác tư pháp việc tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228; điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc Q kết hôn ông Ma Jin B trên cơ sở tự nguyện, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số J230000-2014-000361 ngày 04-8-2014 tại thành phố CNT, tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Trúc Q với ông Ma Jin B là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị Trúc Q và ông Ma Jin B có những bất đồng quan điểm, lại không có con nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến ngày 15-11-2020, bà Q về Việt Nam sinh sống và sống ly thân với ông Ma Jin B từ đó đến nay; hai người không còn liên hệ, quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Ma Jin B. Từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Trúc Q và ông Ma Jin B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Trúc Q được ly hôn ông Ma Jin B.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ, tổng cộng là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Trúc Q được ly hôn ông Ma Jin B.

2. Về chi phí tố tụng: Xác nhận nguyên đơn Trần Thị Trúc Q đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003330; số AA/2021/0003331 ngày 21-12-2022 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Yên Bái.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003322 ngày 11-11-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Bà Trần Thị Trúc Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị Trúc Q được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Ma Jin B được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng

